

Tập 266

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang năm trăm bốn mươi ba:

(Kinh) Xá Lợi Phất! Hạ phương thế giới hữu Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

(經)舍利弗。下方世界。有師子佛。名聞佛。名光佛。達摩佛。法幢佛。持法佛。如是等恆河沙數諸佛。

(Kinh: Xá Lợi Phất! Thế giới phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế).

Ở đây nói đến “*hạ phương thế giới*”, đức Thế Tôn nêu đại lược đức hiệu của sáu vị Phật. Danh hiệu của sáu vị Phật này biểu thị đại hạnh giáo hóa, phổ độ chúng sanh. Đó là sự nghiệp của đại Bồ Tát. Nói thông thường, mức độ thấp nhất cũng là Sơ Địa Bồ Tát thì mới có thể gánh vác, giống như chư Phật Như Lai phổ độ chúng sanh. Đức hiệu của vị Phật thứ nhất là Sư Tử Phật (Sinha), biểu thị Pháp Thân. Chúng ta thấy trong kinh thường gọi đệ tử của đức Phật là “*pháp vương tử*”. Đức Phật là Pháp Vương. Các vị Pháp Thân đại sĩ như vậy có thể kế thừa sự nghiệp hoằng pháp lợi sanh của đức Phật, thuyết pháp giống như Phật chẳng khác, nên gọi là “*pháp vương tử*”. Trong lời chú giải, Liên Trì đại sư chú giải đã giải thích đại ý của danh hiệu như sau:

(Sớ) Sư Tử giả, như sư tử phục quần thú cố.

(疏)師子者，如師子伏群獸故。

(Sớ: “Sư Tử”: Như sư tử hàng phục các loài thú).

Sư tử là vua trong loài thú.

(Sao) Sư tử nhị nghĩa: Nhất giả sư tử chúng thú trung vương, du hành vô úy, như Phật phạm thánh độc tôn, xuất nhập tam giới tự tại vô ngại cố. Nhị giả sư tử nhất hồng, bách thú úy cụ, như Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo giai tín phục cố. Hựu vô ngũ chủng bố, cụ tứ vô úy, giai sư tử nghĩa.

(Diễn) Xuất nhập tam giới tự tại vô ngại giả, phàm phu nhập tam giới, vị sanh tử phược, bất đắc tự tại. Nhị Thừa xuất tam giới, vị Niết Bàn phược, bất đắc tự tại. Phật bi trí song hành, vãng lai tự tại cố. Sư tử nhất hồng, bách thú úy cụ giả. Vĩnh Gia vân: “Sư tử hồng, vô úy thuyết, bách thú văn chi giai nã liệt. Hương tượng bốn ba thất khước oai, thiên long tịch thính sanh hân duyệt”. Ngũ chủng bố giả, nhất bất hoạt, nhị ác danh, tam tử, tứ ác đạo, ngũ oai đức. Tứ vô úy giả, nhất nhất thiết trí vô úy, nhị lậu tận vô úy, tam quyết nghị vô úy, tứ thuyết khổ tận đạo vô úy.

(鈔)師子二義：一者師子眾獸中王，遊行無畏，如佛凡聖獨尊，出入三界，自在無礙故。二者師子一吼，百獸畏懼，如佛說法，天魔外道皆信服故；又無五種怖，具四無畏，皆師子義。

(演)出入三界自在無礙者。凡夫入三界。為生死縛。不得自在。二乘出三界。為涅槃縛。不得自在。佛悲智雙行。往來自在故。師子一吼。百獸畏懼者。永嘉云。師子吼。無畏說。百獸聞之皆腦裂。香象奔波失卻威。天龍寂聽生欣悅。五種怖者。一不活。二惡名。三死。四惡道。五威德。四無畏者。一一切智無畏。二漏盡無畏。三決疑無畏。四說苦盡道無畏。

(Sao) Sư tử có hai nghĩa: Một, sư tử là vua trong các loài thú, dạo chơi không sợ hãi. Như Phật là bậc độc tôn trong phàm và thánh, ra vào ba cõi tự tại vô ngại. Hai, hễ sư tử rống lên, trăm loài thú kinh hãi, như đức Phật thuyết pháp, thiên ma ngoại đạo thấy đều tin phục. Lại chẳng có năm nỗi sợ, đủ bốn món vô úy. [Những điều ấy] đều là ý nghĩa của sư tử.

Diễn: “Ra vào ba cõi tự tại vô ngại”: Phàm phu vào tam giới bị sanh tử trói buộc, chẳng được tự tại. Nhị Thừa thoát khỏi tam giới, bị Niết Bàn trói buộc, chẳng tự tại. Phật thì Bi và Trí song hành, qua lại [tam giới] tự tại. “Hễ sư tử rống lên, trăm loài thú đều kinh hãi”: Ngài Vĩnh Gia nói: “Sư tử rống, nói vô úy. Trăm thú nghe tiếng, nứt đầu óc. Hương tượng rảo chạy, chân luống cuống. Trời, rồng yên lặng nghe, sanh lòng vui thích”. Năm thứ sợ hãi là: Một là chẳng sống được, hai là mang tiếng xấu, ba là chết, bốn là ác đạo, năm là [kinh hãi trước] oai đức [của người khác]. Bốn thứ vô úy là: Một, Nhất Thiết Trí vô úy, hai là lậu tận vô úy,

ba là quyết nghị vô úy (đoạn trừ nghi hoặc chẳng sợ hãi), bốn là nói đạo hết khổ chẳng sợ hãi).

Chẳng có năm thứ sợ hãi, trọn đủ bốn món vô úy, được biểu thị Sư Tử. Chúng ta nhìn từ ý nghĩa biểu thị pháp, [sẽ thấy] trong lịch trình tu học của hàng Bồ Tát, sẽ đạt tới một cảnh giới như vậy. Phân trước là hai thứ trí huệ Quyền Trí và Thật Trí trọn đủ, bắt đầu lấy chuyện hóa độ chúng sanh làm chánh yếu. Hai trí chẳng hiện tiền thì lấy việc tự độ làm chánh yếu. Trí huệ đã viên mãn thì mới thật sự phát tâm giống như Địa Tạng Bồ Tát: Chính mình chưa thể đắc độ mà độ chúng sanh trước đã. “Chính mình chưa thể đắc độ” có nghĩa là thành Phật [nhưng không thị hiện thành Phật]. Chính mình [thật sự] còn chưa thành Phật mà đã độ chúng sanh trước, có năng lực hay không? Có năng lực, người ấy đã là Đấng Địa Bồ Tát, đương nhiên là có năng lực độ chúng sanh. Đây gọi là “Bồ Tát phát tâm”, chẳng phải là hạng Bồ Tát bình phàm, cũng chẳng phải là hạng Pháp Thân đại sĩ thông thường, mà là Bồ Tát Ma Ha Tát. Tiêu Bồ Tát thì không được, tự độ khẩn yếu hơn! Đại Bồ Tát thì được, chính mình đã đắc độ, chẳng qua là chưa viên mãn (thành Phật mới là viên mãn), phát đại tâm giúp đỡ người khác trước đã, thay Phật thuyết pháp. Pháp do vị ấy nói sẽ giống như do chính đức Phật nói, vì vị ấy hết sức gần với [địa vị đã] thành Phật. Điều này có nghĩa là Bồ Tát từ Thất Địa hoặc Bát Địa trong Viên Giáo trở lên bèn đạt đến cảnh giới này, hãy nên làm theo cách như vậy!

(Sớ) Danh Văn giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Tiền Danh Văn Quang, kim vô Quang tự. Danh văn giả đức, quang giả dụ. Tuy vô kỳ dụ, bất dị kỳ đức.

(Sớ) Danh Quang giả, danh như nhật quang, vô sở bất bị, diệc khả tịnh xưng, dĩ danh hiển quang xí cố.

(Sao) Như quang nghĩa đồng thượng. Danh hiển giả, như A Di Đà Phật, danh xưng phổ văn. Thập phương tam thế, vô bất chiêm niệm cố. Quang xí giả, như A Di Đà Phật, quang minh phổ chiếu. Thập phương tam thế, vô sở chướng ngại cố.

(疏)名聞者。釋義同前。

(鈔)前名聞光。今無光字。名聞者德。光者喻。雖無其喻。不異其德。

(疏)名光者。名如日光。無所不被。亦可並稱。以名顯光熾故。

(鈔)如光義同上。名顯者。如阿彌陀佛。名稱普聞。十方三世。無不瞻念故。光熾者。如阿彌陀佛。光明普照。十方三世。無所障礙故。

(Sớ: Danh Văn: Giải thích ý nghĩa giống như trong phần trước.

Sao: Phần trước là Danh Văn Quang, danh hiệu của vị Phật trong phần này không có chữ Quang. Danh Văn là nói về Đức, Quang là tỷ dụ. Tuy không có tỷ dụ ấy, phẩm đức của hai vị Phật chẳng khác nhau.

Sớ: Danh Quang: Tiếng tăm như ánh mặt trời, không đâu chẳng soi thấu, cũng có thể cùng nói tới [danh lẫn quang] vì danh tiếng rạng rỡ, quang minh chói ngời.

Sao: “Quang” có ý nghĩa như trên. “Danh tiếng rạng rỡ”: Như A Di Đà Phật, mười phương ba đời, không ai chẳng chiêm niệm. “Quang minh chói ngời”: Như A Di Đà Phật, quang minh chiếu khắp. Mười phương ba đời, không gì chướng ngại được).

Vị thứ hai là Danh Văn Phật (Yaśas). Nay chúng ta gọi “danh văn” (名聞) là nổi tiếng. Bồ Tát có mức độ nổi tiếng rất cao, tiếng tăm vang dội, nhắc tới Ngài chẳng ai không biết. Ví như Quán Thế Âm Bồ Tát, tiếng tăm rất lớn, chẳng có người học Phật nào không biết Quán Thế Âm Bồ Tát. Do vậy có thể biết: Trong đoạn này, kinh nói đến sự phổ độ chúng sanh của hàng Bồ Tát, chính là nói đến những vị Đẳng Giác Bồ Tát, [chẳng hạn như] Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Âm, Thế Chí, Di Lặc, Địa Tạng, các Ngài đều là Đẳng Giác Bồ Tát. Danh tiếng của những vị Bồ Tát này đều được người trong hết thấy các cõi Phật tận hư không khắp pháp giới hay biết. Tiếng tăm của chư Phật, Bồ Tát, thánh hiền đều “*thật chí danh quy*” (thực chất đạt đến tột bậc, nên tiếng tăm đồn về), chắc chắn chẳng phải là hư danh. “*Danh xưng phổ văn*” cho thấy sự giáo hóa của Ngài có sức ảnh hưởng sâu rộng, nhiều người ngưỡng mộ Bồ Tát, nhiều người vui thích theo Bồ Tát học tập. Đó là ý nghĩa thật sự được bao hàm [trong danh hiệu của đức Phật này].

(Sớ) Đạt Ma giả, thử vân Pháp, diệc kiêm nhị lợi.

(Sao) Pháp giả, quý trì nghĩa. Dĩ pháp quý trì kỷ đức, thành kỷ Pháp Thân. Dĩ pháp quý trì tha thân, linh chư chúng sanh giai chứng Pháp Thân cố.

(Diễn) Quý trì nghĩa giả, nhược Lý, Pháp tắc năng quý sanh vật giải, nhậm trì tự tánh, như học nhân từng duyên nhất niệm, đắc ngộ tự

tánh, tức thử ngộ do, nãi tùng tánh quý sanh, phi ngoại đắc cố. Nhược giáo hạnh đẳng pháp, tắc năng quý chánh thân tâm, trì linh bất thất dã.

(疏)達摩者。此云法。亦兼二利。

(鈔)法者。執持義。以法執持己德。成己法身。以法執持他身。令諸眾生皆證法身故。

(演)執持義者。若理法則能執生物解。任持自性。如學人從緣一念。得悟自性。即此悟由。乃從性執生。非外得故。若教行等法。則能執正身心。持令不失也。

(Sớ: Đạt Ma, cõi này dịch là Pháp, cũng bao gồm hai điều lợi.

Sao: Pháp có nghĩa là gò ép vào khuôn khổ. Dùng pháp để uốn nắn phẩm đức của chính mình, thành tựu Pháp Thân cho chính mình. Dùng pháp để uốn nắn thân người khác, khiến cho các chúng sanh đều chứng Pháp Thân.

Diễn: “Có nghĩa là quy trì”: Nếu xét theo Lý thì Pháp có thể khiến cho người vâng giữ pháp sanh ra sự liễu giải đối với căn nguyên của vạn vật, mà chẳng làm mất đi tánh chất của bất cứ pháp nào. Như kẻ học do một niệm mà ngộ tự tánh, tức là cội nguồn của cái Ngộ ấy chính là nương vào tánh mà sanh, chẳng phải là có được từ bên ngoài. Như các pháp giáo, hạnh v.v... có thể uốn nắn, giữ gìn thân tâm, chẳng để mất đi).

Vị Phật kế tiếp là Đạt Ma Phật. Đạt Ma (Dharma) là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Pháp. Vị này biểu thị đại pháp nhất định là do sư thừa chư Phật, như vậy thì mới có thể nêu gương, làm khuôn mẫu cho hết thấy chúng sanh. Ở đây, chúng ta cũng có thể hiểu sâu hơn một tầng nữa: Bất luận là chính mình tu học, hay bất luận là giáo hóa chúng sanh, đều phải “*y pháp, bất y nhân*”, pháp là kinh điển. Kinh điển nhiều lắm, rốt cuộc dùng loại kinh điển nào để giúp đỡ chúng sanh thì chúng sanh mới có thể đạt được lợi ích chân thật? Trong ấy có mối quan hệ hết sức to lớn, giống như bệnh nhân phát bệnh, phải dùng thuốc thì mới có thể trị lành bệnh. Chúng ta đến tiệm thuốc, thấy mấy ngàn loại, mấy vạn loại thuốc, phải chọn lựa loại thuốc nào thì mới có thể trị lành bệnh cho người ta? Nếu chúng ta chọn lầm thuốc, thuốc chẳng đúng chúng bệnh, không chỉ là chẳng thể chữa bệnh, mà nhất định lại còn ngược ngạo khiến cho bệnh nặng thêm, thậm chí hại chết người ta! Chúng ta có những kiến thức thông thường ấy, nhưng sơ sót! Kinh điển là pháp dược; kinh cũng thường sánh ví đức Phật là đại y vương. Pháp do đức Phật đã nói chính là

pháp dược, chúng sanh đều là bệnh nhân. Đức Phật thuyết pháp, đức Phật là một vị thầy thuốc hết sức cao minh, đáng tin cậy. Dược Ngài chẩn đoán, hễ Ngài cắt thuốc, thuốc uống vào, bệnh liền khỏi. Nghe đức Phật thuyết pháp, chẳng có ai không khai ngộ, chẳng có ai không chứng quả, đều có thể đạt được lợi ích chân thật. Sau khi đức Phật diệt độ, vị thầy thuốc ấy chẳng còn nữa, lưu lại toa thuốc cả một đống lớn. Đại Tạng Kinh chính là toa thuốc. Toa thuốc nhiều ngàn ấy, chúng ta mắc bệnh gì chính mình chẳng biết. Nếu uống thuốc bừa bãi, chẳng thể lành bệnh được. Có nghĩa là: Sau khi đức Phật diệt độ, người học Phật đông đảo, người khai ngộ ít ỏi, người chứng quả càng ít hơn!

Phật pháp đã truyền thừa hơn ba ngàn năm, chúng ta thấy trong xã hội hiện tiền: Người học Phật không chỉ là chẳng có người chứng quả, mà người khai ngộ cũng là “*lông phượng, sừng lân*”. Nguyên nhân ở chỗ nào? Nói thật ra, chắc chắn là chẳng thể nói “người trong đời này chẳng bằng cổ nhân”. Nếu quý vị nói kiểu đó, tôi tuyệt đối chẳng thừa nhận, tôi cảm thấy người hiện thời càng thông minh hơn người xưa. Vì sao thành tựu tu học của chúng ta thua kém cổ nhân? Chẳng có gì khác, uống sai thuốc! Nếu uống đúng thuốc, hiện thời, chúng ta sẽ khai ngộ, chứng quả nhanh hơn cổ nhân! Thậm chí [người hiện thời] hiểu sai bét ý nghĩa trong kinh điển, thật đấy! Bài kệ Khai Kinh có câu “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*”, nay chúng ta hiểu sai ý nghĩa chân thật của Như Lai. Không chỉ là xem kinh hiểu sai bét ý nghĩa, mà nghe giảng cũng thường hiểu lầm ý nghĩa. Những gì tôi nói ở đây, đợi một lát để người khác nhắc lại cho tôi nghe, hoàn toàn chẳng giống những gì tôi đã nói! Hiện diện ngay tại chỗ mà còn hiểu trật ý nghĩa! Nguyện hiểu nghĩa chân thật của Như Lai, khó quá! Khó ở chỗ chúng ta dụng tâm sai lầm! Chư Phật, Bồ Tát sử dụng chân tâm, chúng ta dùng vọng tâm. Chư Phật, Bồ Tát hoàn toàn chẳng có thành kiến, chúng ta là “*tiên nhập vi chủ*” (những gì được tiếp xúc trước tiên sẽ đóng vai trò quyết định), khó lắm! Tìm đến tận nguồn cội, gốc bệnh ở ngay chỗ này. Có bệnh đừng sợ! Sợ là chẳng gặp được thầy thuốc giỏi. Gặp được thầy thuốc giỏi, bèn sợ là chẳng thể tín nhiệm ông ta, nếu vậy thì bó tay mất rồi!

Chúng ta nhận biết chính mình có bệnh, gặp gỡ Phật pháp, đó là thầy thuốc giỏi, điều mấu chốt là chúng ta có thể tin tưởng hay không? Có thể chọn lựa hay không? Sự chọn lựa có mối quan hệ lớn nhất. Trong vô lượng pháp môn, rốt cuộc chúng ta chọn lựa pháp môn nào? Chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực, cũng chẳng gặp gỡ thiện tri thức; trong trạng huống ấy, làm như thế nào đây? Phật, Bồ Tát đã sớm biết

những sự tao ngộ và hoàn cảnh của chúng ta. Từ ba ngàn năm trước, đức Thế Tôn đã chọn sẵn cho chúng ta. Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói: “*Thời kỳ Chánh Pháp, Giới Luật thành tựu*”, trong một ngàn năm đầu tiên sau khi đức Phật diệt độ, trì giới có thể thành tựu. “*Thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu*”, một ngàn năm thứ hai sau khi đức Phật diệt độ, chỉ trì giới sẽ chẳng thể thành tựu, phải tu Định. Phật giáo được truyền sang Trung Hoa nhằm thời kỳ đầu của thời Tượng Pháp. Vì thế, Thiên Tông Trung Hoa hết sức phát triển, hoàn toàn tương ứng với lời dạy của Thích Ca Mâu Ni Phật. Thứ ba, “*thời kỳ Mạt Pháp, Tịnh Độ thành tựu*”, Mạt Pháp gồm một vạn năm. Đó là lòng từ bi triệt để của đức Thế Tôn. Sau khi lão nhân gia diệt độ, lìa khỏi thế giới này, người học Phật hãy nên chọn lựa pháp môn như thế nào, Ngài đã chỉ cho chúng ta một con đường. Nay chúng ta sanh nhằm thời kỳ Mạt Pháp, nếu chẳng chọn lựa Tịnh Độ, tức là đã vi phạm giáo huấn của đức Phật. Đức Phật bảo chúng ta chọn lựa Tịnh Độ, chúng ta khăng khăng muốn chọn Thiên, hoặc chọn pháp khác, pháp ấy chẳng khế cơ, trách nhiệm ấy do chính mình gánh lấy, đức Phật chẳng chịu trách nhiệm. Chúng ta sanh trong thời kỳ Mạt Pháp, tuân thủ giáo huấn của đức Phật chọn lựa pháp môn này, há có sai lầm?

Đối với kinh điển Tịnh Tông, Đạt Ma được nói ở đây là nói về kinh điển Tịnh Độ. Nguyên bản [kinh điển Tịnh Độ] chỉ có ba kinh do Thích Ca Mâu Ni Phật dạy. Thứ tự của ba kinh là:

1) Thoạt đầu, đức Phật giảng kinh Vô Lượng Thọ, giới thiệu tương tận Tây Phương Cực Lạc thế giới. Vì thế, kinh Vô Lượng Thọ là khái luận của Tịnh Độ, lại còn được tuyên giảng nhiều lần, chúng ta phải đặc biệt coi trọng điều này. Vì thuở đức Thế Tôn tại thế giảng kinh, mỗi bộ kinh chỉ giảng một lần, chẳng trùng lặp, chỉ riêng kinh Vô Lượng Thọ [được giảng] trùng lặp rất nhiều lần. Căn cứ trên các bản dịch còn giữ được hiện thời, hiện nay, trong Đại Tạng Kinh có năm loại bản dịch gốc. Cổ đức đã so sánh cận kề, phát hiện: Tối thiểu là có ba bản tiếng Phạn bất đồng. Nói cách khác, tối thiểu là đức Phật giảng kinh này ba lượt. Trong hội Phương Đẳng, đức Phật giảng Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác Kinh và kinh Vô Lượng Thọ. Trong kinh Đại Bảo Tích, hội Vô Lượng Thọ Như Lai, đức Phật lại đặc biệt giới thiệu Tây Phương Tịnh Độ. Xác thực là đã chứng minh: Thuở tại thế, đức Phật đã nhiều lần tuyên giảng kinh này. Theo mục lục trong Kinh Tạng, kinh Vô Lượng Thọ có tất cả mười hai loại bản dịch, nay chỉ còn lưu lại năm loại, bảy loại đã thất truyền. Nếu bảy loại kia đều còn, lại so sánh, có thể là còn phát hiện có những văn bản khác với ba loại [Phạn bản] ấy. Điều này chứng tỏ đức Phật đã nói [kinh ấy] rất nhiều lần.

Trong một đời, đức Phật đã nói pháp môn này rất nhiều lần. Pháp môn này đặc biệt trọng yếu, đặc biệt khó cơ, nên Ngài mới tuyên nói nhiều lượt.

2) Tiếp đó, Ngài lại nói kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật, chuyên môn dạy chúng ta phương pháp vãng sanh Tịnh Độ. Trong kinh Vô Lượng Thọ có nói đơn giản, kinh Quán Vô Lượng Thọ Phật nói cặn kẽ, quý vị hành theo cách như thế nào. Quán Kinh dạy chúng ta lý luận, phương pháp tu hành, và nhân quả của chín phẩm [vãng sanh].

3) Cuối cùng, đức Phật nói kinh A Di Đà, khuyên chúng ta phát nguyện cầu sanh Tịnh Độ. Trong bộ kinh này, đức Phật ba lượt khuyên chúng ta “*ung đương phát nguyện, cầu sanh bỉ quốc*” (hãy nên phát nguyện cầu sanh về cõi ấy), một lần rồi hai lần, hai lần rồi ba lần, rất miệng buốt lòng khuyên bảo, khích lệ chúng ta. Hợp ba kinh lại để xem, [sẽ thấy] đó là bi tâm triệt để của đức Thế Tôn khiến cho hết thảy chúng sanh được viên thành Phật đạo ngay trong một đời này, chỉ riêng pháp môn này [là có thể thực hiện viên mãn những điều đó]! Pháp môn này lại còn hết sức khó hợp [căn cơ của] chúng sanh trong thời kỳ Mạt Pháp. Pháp vận của đức Phật là một vạn hai ngàn năm, nay đã qua ba ngàn năm, còn có chín ngàn năm. Kinh Pháp Diệt Tận dạy: Trong tương lai, khi Phật pháp đều diệt, tất cả các kinh điển đều chẳng còn nữa, kinh Vô Lượng Thọ còn tồn tại. Kinh Vô Lượng Thọ diệt cuối cùng, nó sẽ còn tồn tại thêm một trăm năm. Sau một trăm năm ấy, kinh Vô Lượng Thọ cũng chẳng còn, nhưng hãy còn có một câu “*Nam-mô A Di Đà Phật*”, sáu chữ ấy lưu lại trong thế gian. Người hữu duyên, người thiện căn sâu dày, gặp câu danh hiệu này mà có thể chuyên trì thì cũng có thể vãng sanh. Có thể thấy là pháp môn này thật sự chẳng thể nghĩ bàn!

Nói tới chuyện chọn lựa pháp môn, chúng ta chọn lựa pháp môn Tịnh Tông, kinh điển đề y cứ chính là Tịnh Độ Tam Kinh. Về sau, cư sĩ Ngụy Nguyên là người sống trong đời vua Hàm Phong nhà Thanh, đã ghép Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm vào sau ba kinh, gọi là Tịnh Độ Tứ Kinh. Đầu thời Dân Quốc, Ấn Quang đại sư đã ghép chương Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông của kinh Lăng Nghiêm vào sau bốn kinh, gọi là Tịnh Độ Ngũ Kinh. Đến đây, có thể nói là kinh điển Tịnh Tông đã thật sự viên mãn. Nay chúng ta tuân thủ giáo nghĩa trong năm kinh, chiếu theo giáo huấn trong kinh điển để tu hành, chắc chắn chẳng sai lầm. Nương vào Tịnh Độ Ngũ Kinh để khuyên dạy hết thảy chúng sanh, sẽ chẳng khác gì chư Phật tiếp dẫn đại chúng. Huống hồ pháp môn này được mười phương hết thảy chư Phật Như Lai tán thán, giới thiệu, lấy đâu ra sai lầm! Chúng ta giới thiệu kinh điển khác cho chúng sanh, thừa cùng chư vị, quý

vị phải cẩn thận, phải gánh lấy trách nhiệm nhân quả. Thật đúng như người ta ngã bệnh, nếu quý vị giới thiệu thuốc cho người ấy, người ấy uống vào lành bệnh, kẻ ấy rất cảm tạ quý vị. Nếu họ uống vào chết ngắc, quý vị cũng lãnh phần trách nhiệm. Giới thiệu một toa thuốc khác, chúng ta chẳng nắm chắc, nay chúng ta chẳng có năng lực ấy, chẳng có trí huệ để quan sát căn cơ. Nói cách khác, chẳng thông thạo dược tánh cho lắm bèn không dám dùng, cũng chẳng dám tùy tiện giới thiệu với người khác. Uống thuốc [Tịnh Độ] này tốt lắm! Bất luận bệnh gì cũng trị được; sau khi dùng, chắc chắn chẳng có tác dụng phụ. Do vậy, an tâm lớn mật, ổn thỏa, thích đáng mà sử dụng. Bản thân chúng ta dùng, đạt được lợi ích, bèn cũng giới thiệu với người khác, quyết định sẽ chẳng sai lầm. Đạt Ma Phật biểu thị ý nghĩa này.

(Sớ) Pháp Tràng giả. Pháp như tràng cổ.

(Sao) Pháp như tràng giả, Phật pháp cao hiển, nhân thiên ngưỡng chí vi tông, tà ngoại vọng chi nhi phục. Tường như tiền văn Vô Lượng Tràng nghĩa.

(疏)法幢者。法如幢故。

(鈔)法如幢者。佛法高顯。人天仰之為宗。邪外望之而伏。詳如前文無量幢義。

(Sớ: Pháp Tràng: Pháp giống như tràng.

Sao: “Pháp như tràng”: Phật pháp cao hiển, trời, người ngưỡng mộ tôn sùng, tà ma, ngoại đạo vừa thấy bèn khuất phục. Giải thích tường tận ý nghĩa thì như trong phần nói về Vô Lượng Tràng trong phần trước).

Vị Phật kế tiếp là Pháp Tràng Phật (Dharmadhvaja), biểu thị sự kiến lập pháp tràng. Cổ nhân nói: “*Dụng pháp tràng, lập tông chỉ*”, ban bố lợi ích cho chúng sanh. Tràng (幢) là cờ xí. Phật pháp kiến lập pháp tràng, nói theo cách hiện thời sẽ là kiến lập chế độ (quy chế) trong đạo tràng, quan trọng nhất là đạo phong và học phong. “*Học phong*” (學風) là nói họ căn cứ theo lý luận và cảnh giới đã được giảng trong những bộ kinh điển nào đó. “*Đạo phong*” (道風) là nói tới phương pháp và thành quả tu hành. Chúng ta thường nói “*giải hạnh tương ứng*”, Giải (解) là học, Hạnh (行) là đạo. Kiến lập tông chỉ như vậy, có thể đề xướng rộng rãi Phật pháp, hoằng dương rạng rỡ Phật pháp, lợi ích hết thảy chúng sanh, giúp chư Phật Như Lai giáo hóa hết thảy chúng sanh.

(Sớ) Trì Pháp giả, nhị nghĩa: Nhất giả chấp trung danh trì, nhị giả chấp thủ danh trì.

(Sao) Chấp trung giả, bất đọa Hữu biên, bất đọa Vô biên, thiện trì Trung Đạo diệu pháp cố. Chấp thủ giả, trì thủ diệu pháp, lưu thông tam thế, sử bất đoạn tuyệt cố.

(疏)持法者。二義。一者執中名持。二者執守名持。

(鈔)執中者。不墮有邊。不墮無邊。善持中道妙法故。執守者。持此妙法。流通三世。使不斷絕故。

(Sớ: Trì Pháp có hai nghĩa: Một là chấp trung bèn gọi là Trì. Hai là chấp thủ bèn gọi là Trì.

Sao: Chấp Trung là chẳng rớt vào bên Có, chẳng rớt vào bên Không, khéo giữ diệu pháp Trung Đạo. Chấp Thủ là giữ diệu pháp ấy, lưu thông ba đời khiến chẳng đoạn tuyệt).

Vị cuối cùng là Trì Pháp Phật, biểu thị “y giáo phụng hành, thật thà niệm Phật”. Danh hiệu của vị Phật này hiển thị: Đê đê cao rộng rãi Phật pháp hồng lợi ích hết thảy chúng sanh, hãy nên dùng phương thức gì? Ở đây, đức Phật dạy chúng ta phải Trì Pháp, [nghĩa là] chúng ta học, hiểu, do nương theo năm kinh một luận, đạo phong phải thực hiện bằng thật thà niệm Phật. Chúng ta hành trì là chuyên tín, chuyên nguyện, chuyên trì danh hiệu. Đó gọi là thật thà niệm Phật, đó là đúng, so với chư Phật giáo hóa chúng sanh sẽ chẳng hai, chẳng khác. Thời cô, chúng ta gọi bậc đại đức hoàng pháp là “pháp sư”. Gọi bậc phiên dịch kinh điển là “Tam Tạng pháp sư” vì Ngài thông đạt Tam Tạng. Người thừa truyền Thiên Tông được gọi là “Thiền sư”. Người chỉ dạy giới luật được gọi là “Luật sư”. Thầy của hoàng đế được gọi là Quốc Sư. Chỉ có tổ sư của Tịnh Độ Tông được người ta tôn xưng là Đại Sư. Đại Sư là tiếng để gọi Phật. Hàng Đẳng Giác Bồ Tát đều chẳng thể gánh vác cách xưng hô này, Bồ Tát được gọi là Đại Sĩ, ví dụ như Quán Âm đại sĩ. Hiện thời, có những kẻ tự xưng là “đại sư”, quá đáng! Dầu được người khác tôn kính [mà gọi như vậy], vẫn chẳng thể nhận lãnh được. Ví như quý vị chưa học tới Trung Học, có người hề gặp mặt bèn gọi quý vị là “tiên sĩ tiên sinh”, có phải là chửi người ta hay không? Chúng ta là kẻ xuất gia bình phàm, người khác gặp mặt bèn gọi là “đại sư này nọ”, có ý vị ấy, chửi bới người ta! Danh và thực cách biệt quá xa! Vì sao có thể gọi tổ sư của Tịnh Độ Tông là đại sư? Vì pháp môn bậc nhất để chư Phật Như Lai giáo hóa chúng sanh là khuyên họ niệm Phật, giới thiệu ba kinh [Tịnh Độ] cho chúng sanh. Tịnh Tông Tổ Sư cũng

giảng giải ba kinh, cũng khuyên người khác niệm Phật, chẳng sai khác chư Phật Như Lai cho mấy. Do đó, người đời sau tôn xưng các Ngài là đại sư, nhưng chư vị phải ghi nhớ: [Các Ngài] được người đời sau tôn xưng, chẳng phải là thưở sanh tiền tại thế. Nếu thưở tại thế mà có người gọi các Ngài như vậy, các vị ấy nhất định sẽ quở trách, sẽ nổi nóng! [Tôn xưng các Ngài là đại sư] chính là có ý nói: Tổ sư Tịnh Độ Tông tự hành, hóa tha đều chẳng hai, chẳng khác chư Phật Như Lai. Đoạn kể tiếp:

(Sớ) Xưng Lý, tắc tự tánh trắc chi di thâm bất khả tận, thị hạ phương hằng sa Phật nghĩa.

(Sao) Văn Thủ thủ bát, diêu thù hữu thủ quá hạ phương tứ thập nhị Hằng hà sa thế giới. Kim vị cánh quá hạ phương bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới, câu u tự tánh. Thí như trì can thám hải, dục cùng kỳ để, chung bất khả đắc.

(疏)稱理，則自性測之彌深不可盡，是下方恆沙佛義。

(鈔)文殊取鉢。遙垂右手過下方四十二恆河沙世界。今謂更過下方不可說恆河沙世界。求於自性。譬如持竿探海。欲窮其底。終不可得。

(Sớ) Xưng Lý thì tự tánh nếu thăm dò sẽ thấy sâu xa chẳng thể cùng tận, đó là ý nghĩa của phương dưới có hằng sa Phật.

Sao: Ngài Văn Thủ cầm bát, thông tay phải qua khỏi bốn mươi hai Hằng hà sa thế giới ở phương dưới. Nay lại nói qua khỏi bất khả thuyết Hằng hà sa thế giới ở phương dưới để câu tự tánh, ví như cầm sào thăm dò biển, mong thấu tận đáy, trọn chẳng thể được).

Liên Trì đại sư chú giải Sớ Sao, dụng tâm hết sức khổ sở. Vì trong thời đại của lão nhân gia, Tịnh Tông đã suy vi tới tận cùng, những kẻ bình phàm trong xã hội đều coi thường Tịnh Tông. Pháp môn thù thắng và kinh điển bậc nhất trong Phật môn như thế mà chẳng có ai biết, không có ai nhận thức, cứ một mực tham Thiền. Thưở ấy, Thiền Tông cực thịnh, sự hưng thịnh ấy là gì? Hưng thịnh ngoài mặt, bề ngoài rất hưng vượng, người học đông đảo, người thật sự khai ngộ rất ít! Không chỉ là ít kẻ khai ngộ, mà người đắc Định cũng ít. Nếu lão nhân gia khuyên những kẻ ấy học theo Tịnh Độ niệm Phật, mọi người chẳng thể tiếp nhận. Vì thế, để hoằng dương Tịnh Độ Tông, trong bộ Sớ Sao, trích dẫn kinh Hoa Nghiêm chiếm từ một phần ba [dung lượng sách Sớ Sao] trở lên, mục đích là dùng Hoa Nghiêm để đề cao Tịnh Tông, khiến cho mọi người có thể tin tưởng.

Bởi lẽ, đệ tử Phật chẳng có ai không tôn trọng Hoa Nghiêm, [tổ Liên Trì] dùng Hoa Nghiêm để giải thích kinh Di Đà. Cuối cùng là Xứng Tánh, tức là hội quy tự tánh, [quy vào] Thiên Tông, nói rõ “*Tịnh và Thiên là một, không hai*”. Niệm Phật chẳng lìa khỏi tự tánh, Xứng Lý là xứng tánh. “*Tự tánh trác chi di thâm bất khả tận*” (Thăm dò tự tánh sẽ thấy sâu xa chẳng thể cùng tận), vì “*hạ phương*” là nói đến sự sâu xa, chẳng có đáy, mang ý nghĩa này. Nói theo sự hiển thị nơi Sự thì chư Phật, Bồ Tát hóa độ chúng sanh chẳng có cùng tận, chúng sanh vô biên thế nguyện độ!

(Kinh) Các u kỳ quốc, xuất quảng trường thiệt tướng, biến phú tam thiên đại thiên thế giới, thuyết thành thật ngôn: “Nhữ đẳng chúng sanh đương tín thị Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm Kinh”.

(經)各於其國。出廣長舌相。遍覆三千大千世界。說誠實言。汝等眾生。當信是稱讚不可思議功德一切諸佛所護念經。

(Kinh: Mỗi vị đều ở nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Ca Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Chúng ta lại xem đoạn kinh văn kế tiếp:

Lục, thượng phương.

(Kinh) Xá Lợi Phất! Thượng phương thế giới, hữu Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thu Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Như thị đẳng Hằng hà sa số chư Phật.

六、上方。

(經)舍利弗。上方世界。有梵音佛。宿王佛。香上佛。香光佛。大醵肩佛。雜色寶華嚴身佛。娑羅樹王佛。寶華德佛。見一切義佛。如須彌山佛。如是等恆河沙數諸佛。

(Sáu, phương trên.

Kinh: Xá Lợi Phất! Phía trên thế giới có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tạp

Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thọ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật. Hằng hà sa số chư Phật như thế).

Đoạn kinh văn này là tổng kết của cả một đoạn lớn [phần sáu phương Phật tán thán], nêu ra đức hiệu của mười vị Phật. “Mười” biểu thị sự viên mãn, biểu thị pháp môn này là pháp môn đại viên mãn. Chư Phật trong mỗi phương [nhiều] vô lượng vô biên, Hằng hà sa số. Đức Phật chỉ nêu ra mấy vị đại diện, [nêu tên] mấy vị ấy, nhất định là có dụng ý đặc biệt, chắc chắn chẳng phải là nói tùy tiện, nhất định là có ý nghĩa biểu thị pháp. Chúng ta chú trọng quan sát từ góc độ này, quả nhiên chẳng sai! Sáu phương Phật là quá trình theo thứ tự kể từ khi chúng ta sơ phát tâm mãi cho đến khi chứng Vô Thượng Bồ Đề. Từ các danh hiệu ấy, chúng ta có thể thấy, chẳng khác gì năm mươi ba lần tham học ở cuối kinh Hoa Nghiêm. Năm mươi ba lần tham học là nói rõ rệt. Phật hiệu được sử dụng ở đây ngầm phù hợp ý nghĩa ấy, mật thuyết đấy nhé! Vị Phật đầu tiên trong thượng phương thế giới là...

(Sớ) Phạm Âm giả, Phật âm thanh tịnh, vô tạp nhiễm cố.

(疏)梵音者，佛音清淨，無雜染故。

(Sớ: Phạm Âm (Brahmāghoṣa): Âm thanh của Phật thanh tịnh, vì chẳng có tạp nhiễm).

“Phạm” (梵) có nghĩa là thanh tịnh. “Tạp nhiễm” (雜染) chỉ điều gì? Chỉ tâm địa. Tâm tạp nhiễm, thân và ngữ sẽ chẳng thanh tịnh. Nếu tâm thanh tịnh, thân bèn thanh tịnh, ngữ cũng thanh tịnh, ba nghiệp đều thanh tịnh. Ở đây, Ngài nói đến ý nghĩa trọng yếu là “*thuyết pháp thanh tịnh*”. Nếu muốn đạt tới thuyết pháp thanh tịnh, nhất định là tâm địa chẳng nhiễm dâm, giống như Lục Tổ đại sư đã nói: “*Vốn chẳng có một vật, nơi nào nhuốm bụi bặm*”. “*Bụi bặm*” tượng trưng cho nhiễm trước. Nhất định phải đạt được thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, âm thanh bèn thanh tịnh.

(Sao) Vô tạp nhiễm giả, dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm nhi bất thanh tịnh. Kim Phật duy dĩ Nhất Thừa pháp, hóa đạo chư quần sanh, sở vị “thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng”, cố danh Phạm Âm.

(Diễn) Dư thừa thuyết pháp, thị vi tạp nhiễm giả, Luân Vương thuyết giới thiện, Đế Thích thuyết xuất dục, thật hữu thiện đương hành,

hữu ác đương chỉ. Nhị Thừa thuyết Tứ Đế, thập nhị nhân duyên pháp, diệt thật hữu sanh tử khả yếm, Niết Bàn khả hân, giai tạp vô minh chi nhiễm, nhi bất thanh tịnh. Nhược Phật thuyết Nhất Thừa chi pháp, tắc nhiễm ô, thanh tịnh, tổng thuộc không hoa; sanh tử, Niết Bàn vô phi mộng huyễn, duy thử nhất sự thật. Dư nhị tắc phi chân, sở vị thuần nhất bất tạp, cụ túc thanh bạch phạm hạnh chi tướng dã.

(鈔)無雜染者，餘乘說法，是為雜染而不清淨。今佛唯以一乘法，化導諸群生，所謂純一不雜，具足清白梵行之相，故名梵音。

(演)餘乘說法。是為雜染者。輪王說戒善。帝釋說出欲。實有善當行。有惡當止。二乘說四諦。十二因緣法。亦實有生死可厭。涅槃可欣。皆雜無明之染。而不清淨。若佛說一乘之法。則染污清淨。總屬空花。生死涅槃無非夢幻。唯此一事實。餘二則非真。所謂純一不雜。具足清白梵行之相也。

(Sao: “Chẳng có tạp nhiễm”: Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm, chẳng thanh tịnh. Nay đức Phật chỉ dùng pháp Nhất Thừa hóa độ, chỉ dạy các chúng sanh, đó gọi là tướng phạm hạnh thuần nhất, chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch. Vì thế gọi là Phạm Âm.

Diễn: “Các thừa khác thuyết pháp thì là tạp nhiễm”: Luân Vương nói giới thiện, Đế Thích nói lìa dục, thật sự “có thiện nên hành, có ác nên dứt”. Nhị Thừa nói pháp Tứ Đế, mười hai nhân duyên, cũng là thật sự có “sanh tử đáng chán, Niết Bàn đáng ưa”, đều là tạp nhiễm vô minh, chẳng thanh tịnh. Nếu đức Phật nói pháp Nhất Thừa thì nhiễm ô và thanh tịnh đều là hoa đốm trên hư không, sanh tử và Niết Bàn không gì chẳng phải là mộng huyễn, chỉ có một sự thật ấy. Những thứ khác hễ có hai thì là chẳng thật. Đó gọi là “tướng phạm hạnh thuần nhất chẳng tạp, trọn đủ thanh bạch”).

Nói theo Tánh, tức chân tánh, bản tánh thanh tịnh vô nhiễm. Nói theo Tướng, so giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Tiểu Thừa là tạp nhiễm, Đại Thừa là thanh tịnh. So giữa Đại Thừa và Thiên, Thiên thanh tịnh, Đại Thừa tạp nhiễm. So giữa Thiên và Tịnh Độ, Thiên chẳng thanh tịnh, Tịnh Tông thuần tịnh vô nhiễm. “Phạm Âm”: Vị Phật thứ nhất biểu thị tông cương lãnh “tự hành, hóa độ người khác”. Bình thường, chúng ta niệm câu Phật hiệu này, phải dùng cái tâm thanh tịnh để niệm, dùng tâm bình đẳng để

niệm, đó là “tự hành”. Nếu còn kèm thêm cái tâm đại từ bi để niệm, đó là “hóa tha”. Tự hành và hóa tha là một câu Phật hiệu này, đây là Phạm Âm. Vị thứ hai:

(Sớ) Tú Vương giả, nhất vân nguyệt vi tú vương; nhất vân tức tú trung vương, như Bắc Thần cố. Nhị nghĩa giai đắc.

(Sao) Nguyệt vi tú vương. Sở vị vạn điểm tinh quang, bất như cô nguyệt, nguyệt phi tinh loại. Dự Phật vi đại giác, giác phi mê loại, thắng nhất thiết cố, tức tú trung vương giả. Luận Ngữ vân: “Thí như Bắc Thần, cư kỳ sở nhi chúng tinh cũng chi”. Ngôn Bắc Thần tú loại, nhi xuất hồ kỳ loại, dự Phật tức chúng sanh, xuất hồ chúng sanh. Dĩ sanh sở quy y cố, giai đắc giả. Nhất dĩ tinh nguyệt đối hiển xưng Vương, nhất tự tinh trung độc thắng xưng Vương. Kim ngôn Phật tại dị loại, dị loại trung vương. Phật tại đồng loại, đồng loại trung vương, cố giai đắc dã.

(Diễn) Giác phi mê loại giả, phàm phu Tam Đế câu mê, Nhị Thừa bất mê Chân nhi mê Tục, Bồ Tát bất mê Chân, Tục nhi mê Trung. Phật nãi Tam Đế tề giác, siêu cửu giới chúng sanh cố. Phật tức chúng sanh giả, nhược y sanh Phật đối thuyết, tắc cửu giới vi sanh, Phật nãi đại giác. Kim ngôn Phật tức chúng sanh giả, kinh vân “chúng sanh vô thượng giả, Phật thị”, tắc Phật nãi vô thượng chúng sanh dã. Phật tại dị loại giả, đối cửu giới vân, Phật vi dị loại. Nhược thập giới giai sanh, tắc Phật vi đồng loại dã.

(疏)宿王者。一云月為宿王。一云即宿中王。如北辰故。二義皆得。

(鈔)月為宿王。所謂萬點星光。不如孤月。月非星類。喻佛為大覺。覺非迷類。勝一切故。即宿中王者。論語云。譬如北辰。居其所而眾星拱之。言北辰宿類。而出乎其類。喻佛即眾生。出乎眾生。以生所歸依故。皆得者。一以星月對顯稱王。一就星中獨勝稱王。今言佛在異類。異類中王。佛在同類。同類中王。故皆得也。

(演)覺非迷類者。凡夫三諦俱迷。二乘不迷真而迷俗。菩薩不迷真俗而迷中。佛乃三諦齊覺。超九界眾生故。佛即眾生者。若依生佛對說。則九界為生。佛乃大覺。今言佛即眾生者。經云眾生無上者佛是。則佛乃無上眾生也。

佛在異類者。對九界云。佛為異類。若十界皆生。則佛為同類也。

(Sớ: Tú Vương: Một nghĩa là mặt trăng là vua trong các ngôi sao. Nghĩa thứ hai là vua trong các tinh tú, như sao Bắc Thần vậy. [Hiểu theo cả] hai nghĩa đều được.

Sao: Mặt trăng là vua trong các ngôi sao, ý nói: Ánh sáng của muôn vàn đốm sao chẳng bằng một vầng trăng lẻ loi. Trăng chẳng cùng loại với sao, ví như Phật là bậc đại giác, do giác nên chẳng thuộc loại mê, thù thắng hơn hết thảy. “Là vua trong các tinh tú”: Sách Luận Ngữ viết: “Ví như sao Bắc Thần¹ ngự ở nơi đâu, các ngôi sao khác đều châu về”. Ý nói Bắc Thần thuộc loại tinh tú, nhưng vượt trội các tinh tú. Ví như Phật chính là chúng sanh mà vượt trội chúng sanh, là chỗ để chúng sanh quy y. “Đều được”: Một đằng là so sánh mặt trăng rạng rỡ hơn các ngôi sao mà nói là Vua, một đằng là do [mặt trăng] thù thắng độc nhất trong các ngôi sao nên gọi là Vua. Nay nói: Phật ở trong dị loại bèn là vua trong dị loại; Phật ở trong đồng loại bèn là vua của đồng loại. Vì thế [nói theo cả hai kiểu] đều được.

Diễn: “Giác thì chẳng thuộc loại mê”: Phạm phu đối với Tam Đế đều mê, Nhị Thừa chẳng mê Chân, nhưng mê Tục, Bồ Tát chẳng mê Chân và Tục, nhưng mê Trung. Phật là Tam Đế đều giác, siêu việt chúng sanh trong chín pháp giới. “Phật chính là chúng sanh”: Nếu nói so sánh giữa chúng sanh và Phật thì chín pháp giới là chúng sanh, Phật là bậc Đại Giác. Nay nói “Phật chính là chúng sanh”, kinh dạy “bậc vô thượng trong chúng sanh là Phật”, tức là so trong các chúng sanh thì Phật là vô thượng. “Phật ở trong dị loại” là nói theo chín pháp giới, Phật là dị loại. Nếu coi mười pháp giới đều là chúng sanh, Phật là đồng loại).

“Tú” (宿) là tinh tú. Tú Vương Phật (Nakṣatrarāja) biểu thị Đại Thừa Phật pháp, là đường tắt để thành Phật, sánh ví vô lượng pháp môn

¹ Bắc Thần là tên gọi khác của Bắc Cực Tinh (Polaris Star, Pole Star, Guiding Star). Chỉ có người ở Bắc bán cầu mới thấy được ngôi sao này. Hiện thời Bắc Cực Tinh chính là ngôi sao Alpha Ursa Minoris trong chòm sao Tiểu Hùng (Ursa Minor). Thật ra ngôi sao này là cả một chòm sao, bao gồm một ngôi sao chính gọi là Umi Aa, và bốn phụ tinh gọi là alpha Umi B, alpha Umi Ab, alpha Umi C và alpha Umi D. Sao này được gọi tên như vậy vì nó dùng để định vị phương hướng trong hàng hải hoặc lữ hành trên sa mạc từ thời cổ, và được nhiều dân tộc biết đến. Nền văn hóa Hy Lạp gọi nó là Stella Polaris (ngôi sao phương Bắc), hoặc Cynosura (sao đuôi chó), người Ấn gọi nó là Dhruva Tara (định tinh)...

của Phật giống như ánh sáng của hết thảy các ngôi sao. Các pháp môn của Phật đều là quang minh. Trong các quang minh, quang minh của pháp nào lớn nhất? Tú Vương là Đại Thừa. So giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, Đại Thừa trí huệ cao, quang minh lớn. Tú Vương Phật biểu thị pháp môn Đại Thừa. Đại Thừa là con đường tắt để thành Phật. Giữa Đại Thừa và Tiểu Thừa, quan niệm và sự tu hành đều khác nhau. Tiểu Thừa bảo thủ, quý vị nói cho họ nghe pháp Đại Thừa, họ chẳng thể tiếp nhận, cho đó là cuồng vọng, chẳng thể tu hành! Thời đại hiện tại là dân chủ, tự do, cởi mở, thích hợp Đại Thừa Phật pháp. Nay dùng pháp Tiểu Thừa để dạy chúng sanh, họ chẳng thể tiếp nhận, [họ sẽ chê là] quá khô khan, quá bó buộc! Trong Phật pháp, khế lý là điều trọng yếu, nhưng khế cơ cũng chẳng thể sơ sót, phải xét căn tánh, phải xem hoàn cảnh sống và hình thái ý thức của họ. Chúng ta nhìn về tương lai, mười năm sau toàn thể thế giới tiến nhập thời đại điện toán, phương thức sống của chúng ta sẽ biến đổi rất lớn. Phật pháp là giáo dục trí huệ, là giáo học trí huệ, tuyệt đối chẳng bị đào thải bởi thời đại. Trong bất cứ thời đại nào, nó cũng đều có thể phát huy trí huệ cao độ, có thể khiến cho hết thảy chúng sanh viên thành Phật đạo. Vị Phật thứ ba:

(Sớ) Hương Thượng giả, Phật thánh trung thánh, như hương trung hương, tối thượng vô tỷ cố.

(Sao) Hương trung hương giả, như chiên đàn hương. Vân: “Thử hương lục thù, giá trị tam thiên đại thiên thế giới”. Hựu vân: “Thử hương nhất phần, tứ thập lý ngoại, vô bất văn giả”. Thị hương chi tối thượng giả dã. Phật chứng ngũ phần Pháp Thân chi hương. Kỳ hương phổ huân vô lượng thế giới, nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương, vô năng cập giả. Cố viết Hương Thượng.

(Diễn) Ngũ phần Pháp Thân thông Đại Tiểu Thừa, kim vân “ngũ phần”, nãi Đại Thừa chuyển Ngũ Ấm thân tâm, đắc ngũ phần Pháp Thân. Nhất thiết nhân, thiên, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chi hương giả, nhân thiên hữu giới thiện hương, Tu La hữu hạ phẩm Thập Thiện hương. Ngoại đạo diệc hữu tà định tà huệ chi hương. Nhị Thừa hữu Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương.

(疏)香上者。佛聖中聖。如香中香。最上無比故。

(鈔)香中香者。如栴檀香。云此香六銖。價值三千大千世界。又云。此香一焚。四十里外無不聞者。是香之最

上者也。佛證五分法身之香。其香普熏無量世界。一切人天脩羅外道二乘之香。無能及者。故曰香上。

(演)五分法身。通大小乘。今云五分。乃大乘轉五陰身心。得五分法身。一切人天脩羅外道二乘之香者。人天有戒善香。脩羅有下品十善香。外道亦有邪定邪慧之香。二乘有戒定慧解脫解脫知見香。

(Sớ: Hương Thượng (Gandhottama): Phật là bậc thánh của các thánh, giống như hương bậc nhất trong các loại hương, tối thượng không sánh.

Sao: “Hương bậc nhất trong các loại hương”: Như hương Chiên Đàn, [kinh] nói “sáu thù của hương ấy giá trị bằng tam thiên đại thiên thế giới”. Lại nói: “Hương ấy vừa đốt lên, ngoài bốn mươi dặm, không ai chẳng ngửi thấy mùi”. Đó là loại hương tối thượng vậy. Đức Phật chứng năm phần Pháp Thân hương, hương ấy xông khắp vô lượng thế giới, hết thấy hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa chẳng thể sánh bằng. Vì vậy gọi là Hương Thượng.

Diễn: Năm phần Pháp Thân chung cho Đại Thừa lẫn Tiểu Thừa. Nay nói “năm phần”, chính là Đại Thừa do chuyển thân tâm Ngũ Âm mà được năm phần Pháp Thân. “Hết thấy các loại hương của người, trời, Tu La, ngoại đạo, Nhị Thừa”: Người và trời có hương giới thiện, Tu La có hương hạ phẩm Thập Thiện, ngoại đạo cũng có hương tà định tà huệ, Nhị Thừa có hương Giới, Định, Huệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến Hương).

Phân chú giải (phần Sao) đề cập Ngũ Phần Pháp Thân Hương, [vị Phật này] biểu thị Thiên Tông. Đại Thừa là đường tắt, Thiên Tông là đường tắt nhất trong các con đường tắt, nên gọi là “kính trung kính” (徑中徑: đường tắt nhất trong các con đường tắt). [Thế mà] đường tắt ấy lại còn có một con đường nhanh tắt hơn nữa, nên bảo là “hựu kính” (又徑: lại tắt hơn), được biểu thị bằng vị Phật kế tiếp là Hương Quang Phật. Vị Phật thứ tư:

(Sớ) Hương Quang giả, kỳ hương phát quang, như Đoạn Trí nhị đức cố.

(Diễn) Đoạn Trí nhị đức giả, Như Lai quả thượng hữu Trí, Đoạn, Ân tam đức, kim lược Ân đức dã.

(Sao) Đoạn đức giả, hương năng tẩy ác, hữu diệt uế nghĩa. Chư ác tịnh tận, danh chi vi Hương. Trí đức giả, quang năng phá ám, hữu trí huệ nghĩa. Linh minh quảng chiếu, danh chi vi Quang. Hựu thường hương chỉ bị tẩy căn, hương trung phát quang, kiêm bị nhãn căn, dụ Thanh Văn chỉ năng diệt ác, hữu Thể vô Dụng. Phật diệt chư ác, năng cụ chư thiện, cụ túc Đoạn Trí, như hương quang dã.

(Diễn) Chỉ năng diệt ác, hữu Thể vô Dụng giả, Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, bất năng tòng Không xuất Giả, quảng độ chúng sanh. Đản hữu ngũ phần Pháp Thân chi hương, nhi vô đại dụng chi quang, hữu Thể vô Dụng dã. Phật tác nội đoạn phiền não, cụ công đức chi hương; ngoại độ chúng sanh, xuất đại dụng chi quang, Thể Dụng song chương dã.

(疏)香光者。其香發光。如斷智二德故。

(演)斷智二德者。如來果上有智斷恩三德。今略恩德也。

(鈔)斷德者。香能避惡。有滅穢義。諸惡淨盡。名之為香。智德者。光能破暗。有智慧義。靈明廣照。名之為光。又常香止被鼻根。香中發光。兼被眼根。喻聲聞止能滅惡。有體無用。佛滅諸惡。能具諸善。具足斷智。如香光也。

(演)止能滅惡。有體無用者。聲聞雖斷煩惱證涅槃。不能從空出假。廣度眾生。但有五分法身之香。而無大用之光。有體無用也。佛則內斷煩惱。具功德之香。外度眾生。出大用之光。體用雙彰也。

(Sớ: Hương Quang: Hương ấy tỏa sáng, như hai đức Đoạn và Trí.

Diễn: “Hai đức Đoạn và Trí”: Nơi quả địa Như Lai có ba đức là Đoạn, Trí và Ân, nay tinh lược Ân đức.

Sao: “Đoạn đức”: Nhờ hương có thể tránh được mùi hôi thối, nên hương có ý nghĩa diệt uế. Hết sạch các điều ác thì gọi là Hương. “Trí đức”: Ánh sáng có thể trừ tối tăm, có ý nghĩa trí huệ. Linh thông, sáng suốt, chiếu rộng rãi, nên gọi là Quang. Lại nữa, hương bình thường chỉ có thể tương ứng với Tỳ Căn. Trong hương tỏa sáng tức kèm thêm tác dụng tương ứng với Nhãn Căn. Ví như Thanh Văn chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng. Phật diệt các ác, có thể trọn đủ các điều thiện, trọn đủ Đoạn đức và Trí đức như Hương Quang vậy.

Diễn: “Chỉ có thể diệt ác, có Thể mà không có Dụng”: Thanh Văn tuy đoạn phiền não, chứng Niết Bàn, chẳng thể từ Không xuất hiện Giả để rộng độ chúng sanh, chỉ có năm phần Pháp Thân hương, chẳng có quang minh khởi tác dụng lớn lao, cho nên là “có Thể mà không có Dụng”. Phật thì trong là đoạn phiền não, trọn đủ hương công đức, ngoài là độ chúng sanh, phát ra quang minh đại dụng, Thể và Dụng cùng tỏ lộ).

Hương Quang (Gandhaprabhā) biểu thị Tịnh. Đại Thế Chí Niệm Phật Viên Thông Chương có nói “*hương quang trang nghiêm*”. Từ xưa tới nay, có rất nhiều đạo tràng tu hành, nếu đặt tên là Hương Quang Thất, hoặc có hai chữ Hương Quang, ta biết đạo tràng ấy tu pháp môn Niệm Phật. Hương Quang Phật biểu thị pháp môn Niệm Phật. Hương quang trang nghiêm là đường tắt hơn con đường tắt nhất trong các con đường tắt, là con đường gần nhất để thành Phật. Không chỉ là gần nhất, lại còn là con đường ổn thỏa, thích đáng nhất. Thiên cố nhiên là con đường gần, nhưng chưa chắc đã ổn thỏa, thích đáng. [Lý do] thứ nhất, [để tu Thiền] ắt phải là căn cơ thượng thượng. Lục Tổ độ kẻ căn cơ thượng thượng. Chẳng phải là kẻ thượng thượng căn, sẽ chẳng thích hợp học pháp môn ấy. Thứ hai, trong Thiền có rất nhiều ma sự. Năm mươi loại Âm ma được nói trong kinh Lăng Nghiêm đều là cảnh giới trong Thiền Định. Cổ nhân nói pháp môn Niệm Phật đơn giản nhất, dễ dàng nhất, ổn thỏa thích đáng nhất, viên nhất, đốn nhất, tức là đã tán thán pháp môn này đến cùng cực. Vị Phật thứ năm:

(Sớ) Đại Diệm Kiên giả, thích nghĩa đồng tiền.

(Sao) Diệm Kiên chi danh lữ xuất, chánh diêu Phật đồng danh hiệu, vô lượng vô biên cố.

(疏)大餞肩者。釋義同前。

(鈔)餞肩之名屢出。正繇佛同名號。無量無邊故。

(Sớ) Đại Diệm Kiên: Giải thích ý nghĩa giống như phần trước.

Sao: Danh hiệu Diệm Kiên xuất hiện nhiều lần chính là vì vô lượng vô biên chư Phật có cùng danh hiệu).

Biểu thị ý nghĩa này, đề xướng, giới thiệu pháp môn thượng thượng cho đại chúng, khuyên khắp mọi người niệm Phật, thành tựu trong một đời. Trong phần trước, Đại Diệm Kiên Phật (Maharciskandha) [biểu thị ý nghĩa] gánh vác gia nghiệp của Như Lai, [trong phần này], Đại Diệm Kiên là đại pháp bậc nhất của Như Lai. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, phải

khẳng định, pháp môn này là đại pháp bậc nhất của Như Lai, vì kinh Vô Lượng Thọ xác thực là cô đọng, tinh hoa của kinh Hoa Nghiêm. Kinh Hoa Nghiêm có tám mươi quyển, kinh Vô Lượng Thọ chỉ có một quyển, nhưng nghĩa lý và cảnh giới chẳng hai, chẳng khác kinh Hoa Nghiêm, hoàn toàn như nhau. Ta mới biết bộ kinh này đáng quý, hàm nhiếp viên mãn vô lượng vô biên pháp môn trong ấy. Niệm kinh Vô Lượng Thọ từ đầu tới cuối một lượt, sẽ giống như niệm kinh Hoa Nghiêm một lượt. Vị Phật thứ sáu:

(Sớ) Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân giả, vạn hạnh nhân hoa, trang nghiêm Pháp Thân cố.

(Sao) Vạn hạnh trang nghiêm giả, tuy chứng Pháp Thân, nhược vô vạn hạnh, danh tổ Pháp Thân. Phật xưng Nhất Thiết Chúng Trí, cố tu Tứ Đăng, Lục Độ, chủng chủng hạnh môn, vô bất bị tập, tích công lũy đức, trợ hiển Pháp Thân, như vạn chủng bảo hoa trang nghiêm sắc thân dã. Dĩ Pháp Thân bổn cụ hằng sa Tánh Đức cố.

(Diễn) Dĩ Pháp Thân bổn cụ Tánh Đức giả, tuy vân vạn đức nghiêm thân, nhiên thử vạn đức thuộc Tu. Tu vô biệt tu, giai từng tánh khởi tu. Dĩ hữu hằng sa Tánh Đức, phương hữu hằng sa Tu Đức. Bất nhiên, tu bất từng tánh, nãi hữu tác chi tu, vô can tánh thể, vân hà năng nghiêm Pháp Thân da?

(疏)雜色寶華嚴身者。萬行因華。莊嚴法身故。

(鈔)萬行莊嚴者。雖證法身。若無萬行。名素法身。佛稱一切種智。故須四等六度。種種行門。無不備集。積功累德。助顯法身。如萬種寶華莊嚴色身也。以法身本具恆沙性德故。

(演)以法身本具性德者。雖云萬德嚴身。然此萬德屬修。修無別修。皆從性起修。以有恆沙性德。方有恆沙修德。不然。修不從性。乃有作之修。無干性體。云何能嚴法身耶。

(Sớ: Tạng Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân (Ratnakusuma-sampush-pitagatra): Vạn hạnh nhân hoa trang nghiêm Pháp Thân.

Sao: “Vạn hạnh trang nghiêm”: Tuy chứng Pháp Thân, nếu chẳng có vạn hạnh, sẽ gọi là Pháp Thân suông! Phật được gọi là bậc Nhất Thiết Chúng Trí; vì thế, cần phải có Tứ Đăng, Lục Độ, các thứ hạnh môn, không pháp nào chẳng tu tập trọn đủ. Tích lũy công đức để giúp hiển lộ Pháp

Thân. Như muôn thứ hoa báu trang nghiêm sắc thân, do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ hằng sa Tánh Đức vậy.

Diễn: “Do Pháp Thân vốn sẵn trọn đủ Tánh Đức”: Tuy nói là vạn đức trang nghiêm cái thân, nhưng vạn đức ấy thuộc về Tu. Tu mà chẳng tu chi khác, đều là khởi tu từ tánh. Do có hằng sa Tánh Đức, nên mới có hằng sa Tu Đức. Nếu chẳng phải vậy, tu chẳng từ tánh bèn là tu hữu tác, chẳng dính dáng gì đến tánh thể, sao có thể nói là trang nghiêm Pháp Thân cho được?)

Thật ra, đức hiệu của vị Phật này biểu thị Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh trong pháp môn căn bản. Cổ nhân thường nói: “Thành Phật viên mãn trong một đời, chỉ có mình kinh Hoa Nghiêm”. Đức Phật giảng hết thấy các kinh, đối với chuyện từ [địa vị] phàm phu tu thành Phật trong một đời, kinh giảng giải lý luận, phương pháp, và cảnh giới rành mạch, viên mãn, quả thật là kinh Hoa Nghiêm. Do vậy, có thể nói Hoa Nghiêm là Phật pháp khái luận của toàn thể Phật pháp, hết thấy các kinh đã được nói đều là một bộ phận đặc biệt của kinh Hoa Nghiêm nhằm giới thiệu chi tiết mà thôi, tổng cương lĩnh là Hoa Nghiêm. Vị Phật này biểu thị ý nghĩa ấy. Trong Hoa Nghiêm, [các nhân vật giữ vai trò] khan yếu nhất là Văn Thù, Phổ Hiền, và Thiện Tài đồng tử, các Ngài học gì? Các Ngài tu gì? Đạt được kết quả gì? Nếu chúng ta có thể quan sát từ chỗ này, hiểu rõ ràng, sẽ thật sự có đầu hoạch. Trong kinh Hoa Nghiêm, trọng yếu nhất là Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta trong cuộc sống hằng ngày, đối với chuyện xử sự, đãi người, tiếp vật, phải tuân thủ mười nguyên tắc, [thường gọi là] Thập Ba La Mật. Đó là đại hạnh trí huệ viên mãn, trong cuộc sống hằng ngày, hành vi của chúng ta sung mãn trí huệ viên mãn.

1) Thứ nhất là Bồ Thí, có nghĩa là buông xuống. Thân, tâm, thể giới, hết thấy đều buông xuống, tâm chúng ta thanh tịnh, trong tâm chẳng nhiễm mảy trần. Bồ thí là bỏ, là buông xuống. Chẳng phải là bảo quý vị buông xuống những thứ khác; buông tiếng tăm, lợi dưỡng xuống, vô dụng! Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, ưu lự, vướng mắc trong tâm địa, phải buông những thứ ấy xuống, phải triệt để bỏ thí. Đã buông xuống những thứ bên trong thì đối với vật ở ngoài thân sẽ chẳng có trở ngại gì. Kinh Đại Thừa nói “*Lý Sự vô ngại, Sự Sự vô ngại*”. Trở ngại ở chỗ nào? Nếu trong tâm có vướng mắc, sẽ bị trở ngại, vấn đề bèn nghiêm trọng. Trong tâm chẳng có vướng mắc bèn gọi là Bồ Thí.

2) Trì Giới: Trì giới là vâng giữ pháp. Bất luận là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian, nhất định phải tuân thủ.

3) Nhân Nhục là kiên nhẫn, phải nhẫn nại. Nếu có thể kiên nhẫn, sẽ chẳng bị lay động bởi thuận cảnh hay nghịch cảnh.

4) Tinh Tấn: Tấn (進) là tiến bộ, chẳng thoái chuyển. Đối với tiến bộ, nhấn mạnh Tinh (精), [nghĩa là] tinh thuần chẳng tạp, tiến bộ như vậy là đúng. Tiến bộ của người thế gian trong hiện thời là tạp tấn, loạn tấn. Vì vậy, họ chẳng thể thành tựu. Họ thật sự dụng công, thật sự nỗ lực, suốt ngày từ sáng đến tối chẳng nghỉ ngơi, tới cuối cùng chẳng có kết quả, điều gì cũng chẳng thể thành tựu.

5) Thiên Định: Chẳng lay động, bất thoái chuyển.

6) Bát Nhã: Trí huệ hiện tiền. Bản thân chúng ta xử thế, đãi người phải dùng lý trí, chớ nên xử sự theo cảm tình. Cảm tình là mê, lý trí là Bát Nhã.

7) Sau đó là Phương Tiện, Nguyên, Lục và Trí.

Đây là nguyên tắc chỉ đạo, đều là dạy chúng ta nên làm như thế nào trong cuộc sống nơi thế gian này, Văn Thù Bồ Tát dạy chúng ta những việc ấy. Đây là phương pháp tu học cơ sở.

Phổ Hiền Bồ Tát mở rộng cơ sở ấy, mở rộng đến tận hư không khắp pháp giới, hoàn toàn tương ứng với tự tánh, viên thành Phật đạo. Đối với mười điều ấy, nếu chúng ta thật sự dùng cái tâm thanh tịnh, tâm chân thành, tâm bình đẳng, tâm đại từ bi để tu, sẽ là mười nguyện Phổ Hiền. Phổ Hiền Bồ Tát nêu lên mười khuôn mẫu, gọi là “mười đại nguyện vương”. Điều thứ nhất là dạy chúng ta “lễ kính chư Phật”. Chư Phật: Trừ chính mình ra, [bất cứ gì khác] đều gọi là “chư Phật”. Không chỉ hết thấy hữu tình là chư Phật, mà vô tình cũng là chư Phật. Trong kinh Hoa Nghiêm, đức Phật đã dạy: “Tinh và vô tình, cùng viên thành Chứng Trí”. Vì thế, chúng ta phải lễ kính hữu tình, mà đối với vô tình cũng phải lễ kính, quyết định chẳng có phân biệt, chẳng thấy có sai biệt, phải vận dụng cái tâm bình đẳng. Lễ kính theo cách nào? Có phải là thấy người khác liền bò rạp xuống đất, dập đầu ba lạy? Nếu quý vị tu theo kiểu như vậy, đức Phật trông thấy sẽ ứa lệ, quý vị đã hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Phật, ý nghĩa của Phật đều bị quý vị hiểu sai bét hết rồi! Về Sự thì phải thuận theo thế tục, “Phật pháp trong thế gian, chẳng hoại pháp thế gian”, đối với pháp thế gian phải tùy thuận thế tục. Phật pháp dùng tâm trí huệ, tâm thanh tịnh, sử dụng đại trí huệ, thanh tịnh chân thật để tùy thuận hết thấy sự vụ thế tục. Đó là Phổ Hiền hạnh, mẫu nhiệm chẳng thể nói được! Vì vậy, Đại Thừa Phật pháp, nhất là nói đến pháp Nhất Thừa tối cao, chính là nhân sinh viên mãn, là hạnh phúc chân thật. Trong phẩm Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên đã nói rất rõ ràng về lễ kính: Chủ thể thực hiện sự lễ kính bèn “ngã dĩ thanh

tịnh thân, ngữ, ý” (tôi dùng thân, ngữ, ý thanh tịnh). Do vậy có thể biết: Tam nghiệp thanh tịnh chính là lễ kính. Tam nghiệp chẳng thanh tịnh, dù thấy người khác bèn dập đầu lễ bái, vẫn chẳng phải là Phổ Hiền Hạnh. Tam nghiệp thanh tịnh, thấy người khác bèn gập đầu đều là lễ kính chư Phật. Nói thật ra, như kinh Vô Lượng Thọ đã nói “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*”, mười nguyện [Phổ Hiền] đều là “*thanh tịnh, bình đẳng, giác*” được ứng dụng trong cuộc sống hằng ngày. Vì thế, vị Phật này biểu thị kinh Hoa Nghiêm viên mãn trong một đời. Chúng ta phải lấy Văn Thù, Phổ Hiền, Thiện Tài đồng tử làm gương, làm tiêu chuẩn cho sự tu học trong cuộc sống, biểu thị ý nghĩa này. Do vậy, Phật pháp hết sức sống động, hết sức viên mãn. Đối với chuyện “*liễu sanh tử, thoát tam giới, vãng sanh bất thoái thành Phật*”, chính mình có tín tâm sung mãn, cuộc sống của quý vị sẽ vui sướng khôn sánh. Vị Phật thứ bảy:

(Sớ) Sa La Thụ Vương giả. Sa La, thử vân kiên cố, diệc vân tối thắng. Đức bất biến dịch, tam giới độc tôn, như thụ vương cố.

(疏)娑羅樹王者。娑羅。此云堅固。亦云最勝。德不變易。三界獨尊。如樹王故。

(Sớ: Sa La Thụ Vương (Śalendrarājā): Sa La cõi này dịch là Kiên Cố, còn dịch là Tối Thắng (thù thắng nhất). Do đức chẳng biến đổi, tôn quý độc nhất trong tam giới, như vua của loài cây vậy).

Trong phần trước, Hiền Giáo đã được nói xong, còn có một pháp môn rất đặc biệt, vị Phật này tượng trưng cho Mật. Sa La Thụ Vương mang ý nghĩa tỷ dụ sự kiên cố.

(Sao) Kiên cố giả, thử thụ tuế hàn bất điêu, phủ cập bất tổn, hữu kiên cố nghĩa. Như Phật chứng Pháp Thân, Hoặc bất năng dao, cảnh bất năng động cố. Tối thắng giả, thử thụ cao đại, nhất thiết lâm mộc vô năng cập giả, như Phật siêu tam giới, chúng thánh trung tôn cố. Cụ tu nhị đức, danh Thụ Vương dã.

(鈔)堅固者。此樹歲寒不彫。斧斤不損。有堅固義。如佛證法身。惑不能搖。境不能動故。最勝者。此樹高大。一切林木無能及者。如佛超三界。眾聖中尊故。具斯二德。名樹王也。

(Sao: “Kiên cố”: Loại cây này đến mùa lạnh chẳng rụng lá, búa rìu chẳng thể gây tổn hại được, nên có ý nghĩa kiên cố. Như Phật chứng Pháp Thân, phiền não chẳng thể lay, cảnh chẳng thể động. “Tối thắng”: Cây này cao to, hết thấy cây cối chẳng thể sánh bằng. Như Phật vượt trời tam giới, là bậc tôn quý nhất trong các vị thánh. Do có đủ hai đức ấy, nên gọi là Thụ Vương).

Tại Trung Hoa, cây tùng, cây bách mùa Đông cũng chẳng rụng lá, hết sức kiên cố, mang ý nghĩa này. Mật Thừa vô thượng, nói thật ra, vẫn là một câu Phật hiệu. Câu Phật hiệu chính là vô thượng chú. Cuối Tâm Kinh có nói: *“Là chú vô thượng, là chú không có gì sánh bằng”*. Chú ấy chính là Nam-mô A Di Đà Phật. Sáu chữ ấy hoàn toàn phiên âm từ tiếng Phạn, chính là vô thượng mật chú. Trong kinh Đại Tập, đức Phật đã nói: Câu Phật hiệu là *“vô thượng thậm thâm Thiên”*, cũng là vô thượng, vô đẳng đẳng chú (chú không có gì sánh bằng). Kinh Hoa Nghiêm nói *“nhiều chính là một, một chính là nhiều”*. “Một” là câu danh hiệu này, “nhiều” là vô lượng vô biên pháp môn. Một câu Phật hiệu triển khai sẽ là vô lượng vô biên pháp môn, vô lượng vô biên pháp môn quy nạp thành một câu Phật hiệu. Vì thế mới biết danh hiệu có công đức chẳng thể nghĩ bàn. Vị Phật thứ tám:

(Sớ) Bảo Hoa Đức giả, Phật đức như bảo hoa cố.

(Sao) Tiền vân “nghiêm thân”, nghiêm hữu nhân nghĩa; kim dẫn ngôn “hoa”, dĩ hoa dụ đức. Phật chi vạn đức, quý trọng, hoa mỹ, như bảo hoa dã. Nhất vân Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. Phật chi tứ đức: Thường như bảo hoa, vô điều lạc cố. Lạc như bảo hoa, duyệt nhân ý cố. Ngã như bảo hoa, vô đãi ngoại cố. Tịnh như bảo hoa, thể oánh khiết cố. Phú hữu vạn đức, quý trọng hoa mỹ, khả lệ tri hỹ.

(Diễn) Phật chi tứ đức, phiên phá phạm phu vô thường kế thường đẳng tứ đảo. Nhị Thừa thường kế vô thường đẳng tứ đảo. Phật duy Tam Đức bí tạng, bất vị tứ tướng sở thiên, viết Thường. Do như bảo hoa, bất dĩ Xuân sanh, bất dĩ Thu tụy, cụ vô thượng Bồ Đề giác pháp lạc, vô thượng Niết Bàn tịch tĩnh lạc, viết Lạc. Do như bảo hoa, trân kỳ túy mỹ, thích duyệt nhân tâm, cụ bát tự tại ngã, bất đãi ngoại, viết Ngã. Do như bảo hoa, bất giả dương hòa, bất tư vũ lộ, bất vi ngũ trụ sở nhiễm, nhị tử sở luy, viết Tịnh. Do như bảo hoa, tinh kim mỹ ngọc, tịnh vô tiêm trần cố.

(疏)寶華德者。佛德如寶華故。

(鈔)前云嚴身。嚴有因義。今但言華。以華喻德。佛之萬德。貴重華美。如寶華也。一云常樂我淨。佛之四德。常如寶華無彫落故。樂如寶華悅人意故。我如寶華無待外故。淨如寶華體瑩潔故。富有萬德。貴重華美。可例知矣。

(演)佛之四德。翻破凡夫無常計常等四倒。二乘常計無常等四倒。佛維三德祕藏。不為四相所遷曰常。猶如寶華。不以春生。不以秋瘁。具無上菩提覺法樂。無上涅槃寂靜樂。曰樂。猶如寶華。珍奇粹美。適悅人心。具八自在我。不待於外曰我。猶如寶華。不假陽和。不資雨露。不為五住所染。二死所累曰淨。猶如寶花。精金美玉。淨無纖塵故。

(Sớ: Bảo Hoa Đức (Ratnaphūlaśri): Phật đức như hoa báu.

Sao: Phần trước nói là Nghiêm Thân, Nghiêm có ý nghĩa “nhân” ở trong ấy. Nay chỉ nói Hoa, dùng hoa để tỷ dụ đức. Vạn đức của Phật, quý trọng, đẹp đẽ như hoa báu. Một nghĩa là Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, tức bốn đức của Phật. Thường là như hoa báu, chẳng tàn rụng. Lạc là như hoa báu khiến cho người ta vui sướng. Ngã là như hoa báu chẳng vương mắc bên ngoài. Tịnh là như hoa báu thể chất sáng sạch, phong phú vạn đức. Có thể suy ra mà biết sự quý trọng, đẹp đẽ ấy.

Diễn: “Bốn đức của Phật” lật nhào, phá vỡ bốn quan niệm điên đảo² vô thường mà chấp là thường v.v... của phàm phu và bốn quan niệm điên đảo “thường mà chấp là vô thường” của Nhị Thừa. Chỉ có Tam Đức bí tạng của Phật là chẳng bị bốn tướng³ dời đổi nên nói là Thường. Giống như hoa báu, chẳng vì Xuân mà sanh, chẳng vì Thu mà rơi rụng, có đủ niềm vui nơi giác pháp vô thượng Bồ Đề, niềm vui tịch tĩnh nơi Vô Thượng Niết Bàn, đó là Lạc. Ví như hoa báu, quý báu, lạ lùng, tinh túy, đẹp đẽ, vui sướng lòng người, có đủ tám món tự tại Ngã⁴, chẳng phụ thuộc vào

² Bốn quan niệm điên đảo là bốn thứ chấp trước về Thường và Vô Thường của chúng sanh: Một là chấp vạn pháp luôn thường hằng (Thường Kiến). Hai là chấp trước vạn pháp đều vô thường, không có đời sau, không có nhân quả v.v... (Đoạn Kiến). Ba là chấp vạn pháp là thường mà cũng là vô thường. Bốn là chấp vạn pháp chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường.

³ Bốn tướng ở đây chính là thành, trụ, hoại, diệt.

⁴ Bát Tự Tại Ngã có hai cách hiểu:

bên ngoài nên gọi là Ngã. Ví như hoa báu, chẳng cần ánh mặt trời áp ủ, chẳng nhờ mưa, sương để tưới tắm, chẳng bị nhuốm bẩn bởi Ngũ Trụ, chẳng bị vướng mắc bởi hai thứ Tử (Phần Đoạn và Biến Dịch), đó là Tịnh. Ví như hoa báu, vàng ngọc đẹp đẽ, tinh tế, tinh sạch, chẳng có mây trần).

Vị Phật này biểu thị Báo Thân viên mãn. Ba vị Phật cuối cùng đều biểu thị sự viên mãn rốt ráo.

(Sớ) Kiến Nhất Thiết Nghĩa giả, chư pháp chi nghĩa, vô bất tri cố.

(Sao) Nhất thiết giả, thế xuất thế gian chư pháp vô lượng, tất nghĩa vô lượng. Hữu tri cận nghĩa, bất tri viễn nghĩa giả. Hữu tri thiên nghĩa, bất tri viên nghĩa giả. Hữu tri tổng nghĩa, bất tri biệt nghĩa giả. Hữu tri thật nghĩa, bất tri quyền nghĩa giả. Phật vô bất kiến, như Tất Đạt thái tử, danh Nhất Thiết Nghĩa Thành, tức thử ý dã.

I. Theo kinh Đại Niết Bàn thì Bát Tự Tại Ngã chính là tám đặc tánh tự tại nơi Ngã trong Tứ Đức của Như Lai:

- 1) Có thể thị hiện một thân thành nhiều thân.
- 2) Có thể thị hiện một thân nhỏ như vi trần mà đầy khắp tam thiên đại thiên thế giới.
- 3) Hiện thân to lớn có thể nhẹ nhàng đến nơi xa xôi nhất.
- 4) Hiện thân thường sống trong vô lượng chủng loại chúng sanh.
- 5) Có thể sử dụng các căn lẫn nhau không trở ngại, như dùng mắt để nghe, dùng tai để ném v.v... Mỗi căn trọn đủ tác dụng của năm căn kia.
- 6) Đạt được Vô Đắc Tướng trong hết thảy các pháp.
- 7) Nói nghĩa của một bài kệ trải qua vô lượng kiếp.
- 8) Thân trọn khắp các nơi giống như hư không.

II. Sách Pháp Giới Thứ Độ lại nói Bát Tự Tại là:

- 1) Có thể hiện nhỏ, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân chính mình và những pháp khác đều cực nhỏ như tiểu vi trần.
- 2) Có thể hiện lớn, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân mình và mọi người, mọi vật đều to lớn đầy ấp hư không chẳng ngăn ngại lẫn nhau.
- 3) Có thể hiện nhẹ, tức là dùng sức biến hóa khiến cho thân mình, mọi người, vạn pháp, thế giới v.v... đều nhẹ như lông hồng.
- 4) Có thể tự tại, tức là chuyển hóa tự tại từ nhỏ sang lớn, dài sang ngắn, nhẹ sang nặng và ngược lại tự tại vô ngại.
- 5) Có thể làm chủ, tức là có thể tự biến hóa thành thân lớn nhỏ, nhưng tâm chẳng phân biệt, chấp trước, hàng phục và nhiếp thọ hết thảy.
- 6) Có thể đến nơi xa, tức là có thể biến hóa đến bất cứ nơi xa xôi nào.
- 7) Có thể động, tức là có thể biến hóa khiến cho đại địa sáu thứ chấn động hoặc mười tám thứ chấn động.
- 8) Tùy ý, tức là tự tại biến hóa một thân thành nhiều thân, nhiều thân thành một thân, đi xuyên qua tường vách, núi non, chuyển biến tứ đại như biến đất thành nước, lửa v.v...

(Diễn) Thế xuất thế gian chư pháp vô lượng, tức nghĩa vô lượng giả. Thế gian chi pháp, thị Âm, Nhập, Xứ, Giới đẳng. Thế gian chi nghĩa, tức tích tụ, thiệp nhập đẳng. Xuất thế chi pháp, thị Đế, Duyên, Lục Độ đẳng. Xuất thế chi nghĩa, tức bức bách, chiêu cảm đẳng. Phàm phu tri cận, bất tri viễn, dẫn tri thế gian pháp, bất tri xuất thế gian pháp cố. Nhị Thừa tri thiên, bất tri viên, yếm hữu, trước không, bất tri không hữu vô ngại cố. Sơ tâm Bồ Tát, tri tổng, bất tri biệt, dẫn ngộ Niết Bàn tâm, bất tri sai biệt nghĩa cố. Tri thật, bất tri quyền, dẫn tri Chân Như giới nội, bất tri Phật sự môn đầu cố. Phật nữ ngũ nhãn viên minh, tam trí viên hiển, vô bất kiến dã.

(疏)見一切義者。諸法之義。無不知故。

(鈔)一切者。世出世間。諸法無量。則義無量。有知近義。不知遠義者。有知偏義。不知圓義者。有知總義。不知別義者。有知實義。不知權義者。佛無不見。如悉達太子。名一切義成。即此意也。

(演)世出世間諸法無量。則義無量者。世間之法。是陰入處界等。世間之義。則積聚涉入等。出世之法。是諦緣六度等。出世之義。則逼迫招感等。凡夫知近不知遠。但知世間法。不知出世間法故。二乘知偏不知圓。厭有著空。不知空有無礙故。初心菩薩。知總不知別。但悟涅槃心。不知差別義故。知實不知權。但知真如界內。不知佛事門頭故。佛乃五眼圓明。三智圓顯。無不見也。

(Sớ: Kiến Nhất Thiết Nghĩa (Sarvārthadarśa): Nghĩa của chư pháp, không gì chẳng biết.

Sao: Nhất Thiết: Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng. Có kẻ biết nghĩa gần, chẳng biết nghĩa xa. Có kẻ biết nghĩa thiên lệch, chẳng biết nghĩa viên mãn. Có kẻ biết nghĩa tổng quát, chẳng hiểu nghĩa riêng biệt. Có kẻ biết thật nghĩa, chẳng biết quyền nghĩa. Phật không gì chẳng thấy. Như thái tử Tất Đạt (Siddhārtha) tên là Nhất Thiết Nghĩa Thành, chính là vì ý này.

Diễn: “Các pháp thế gian và xuất thế gian vô lượng, cho nên nghĩa vô lượng”: Pháp thế gian là Âm, Nhập, Xứ, Giới v.v... Nghĩa thế gian là như tích lũy, tu tập, xen nhập v.v... Pháp xuất thế là Tứ Đế, Thập Nhị Nhân Duyên, Lục Độ v.v... Nghĩa xuất thế là như bức bách, chiêu cảm v.v... Phàm phu biết gần, mà chẳng biết xa, chỉ biết pháp thế gian, chẳng

biết pháp xuất thế gian. Nhị Thừa biết Thiên (thiên chấp, lệch về một bên), chẳng biết Viên, chán Có, chấp Không, chẳng biết Không và Hữu vô ngại. Sơ tâm Bồ Tát biết Tổng, chẳng biết Biệt, chỉ biết Niết Bàn tâm, chẳng biết nghĩa sai biệt, biết Thật, chẳng biết Quyền, chỉ biết trong phạm vi Chân Như, chẳng biết những chuyện thuộc về Phật sự. Phật là ngũ nhãn viên minh, tam trí hiển lộ trọn vẹn, không gì chẳng thấy).

Biểu thị trăm ngàn ức Hóa Thân.

(Sớ) Như Tu Di Sơn giả, Tu Di vi chúng sơn chi vương, Phật đức siêu tuyệt như Tu Di cố.

(Sao) Tiền ngôn Tu Di Tướng, cố chỉ tướng hảo. Kim vô Tướng tự, chuyên tự đức ngôn. Hợp vạn đức nhi giao la, như Tu Di dĩ bảo thành xưng Diệu. Trung thiên hạ nhi độc lập, như Tu Di dĩ tối thượng xưng Cao. Tu Di vương ư chúng sơn, Như Lai vương ư tam giới, kỳ nghĩa nhất dã.

(疏)如須彌山者。須彌為眾山之王。佛德超絕。如須彌故。

(鈔)前言須彌相。故指相好。今無相字。專就德言。合萬德而交羅。如須彌以寶成稱妙。中天下而獨立。如須彌以最上稱高。須彌王於眾山。如來王於三界。其義一也。

(Sớ: Như Tu Di Sơn (Sumērukāpa): Tu Di là vua trong các quả núi. Phật đức siêu tuyệt như Tu Di.

Sao: Trong phần trước nói Tu Di Tướng là nói về tướng hảo, nay không có chữ Tướng là chuyên nói về đức. Hợp vạn đức kết thành, như núi Tu Di do các chất báu tạo thành, được gọi là Diệu. Đứng sừng sững một mình giữa thiên hạ, như núi Tu Di tối thượng nên gọi là Cao. Tu Di là vua của các núi, Như Lai là vua của tam giới, có cùng một nghĩa).

Biểu thị Pháp Thân viên mãn thanh tịnh. Báo Thân là Tự Thọ Dụng Thân, Hóa Thân là Tha Thọ Dụng Thân, dùng để hóa độ chúng sanh. Lý Thể là thanh tịnh Pháp Thân. Học Phật đến chỗ này mới là thật sự đạt đến viên mãn rốt ráo, chứng đắc viên mãn ba thân Pháp, Báo, Ứng.

Kinh văn trước sau tương ứng trọn vẹn. Phương Đông biểu thị thái độ học Phật cơ bản. A Súc Bệ Phật biểu thị bất động, tín tâm thanh tịnh bèn sanh Thật Tướng. Tâm chẳng định, chẳng thể học điều gì! Tâm phải định, nếu tâm bất động, chẳng bị hết thảy lay động, quý vị sẽ có thể học.

Ba vị Phật kế tiếp [biểu thị] những mục tiêu chúng ta mong cầu. Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật chính là ba thân. Trước hết là những gì trong tâm hướng tới, Tu Di Tướng là Báo Thân, Đại Tu Di là Pháp Thân, Tu Di Quang là Ứng Hóa Thân. Đến cuối cùng, ở đây chúng ta đã viên mãn, đã đạt được. Trong phần trước là mong cầu đạt đến, phần sau là thật sự đạt được. Đức hiệu của sáu phương Phật đã hiển thị sự tu học trong Tịnh Tông từ sơ phát tâm mãi cho đến khi thành Phật trong tương lai, toàn thể lịch trình tu học là như thế đó. Đoạn kinh văn này thật sự hết sức hay, nếu mọi người hời hợt, hờ hững xem lướt qua, quá đáng tiếc! Hôm nay, chúng tôi giảng đến chỗ này!